

Bản án số: 179/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2026
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Cười.

2. Ông Võ Thành Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Huỳnh Đức Lập** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Dương Thị M**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082192016081.

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp**.

- Bị đơn: **Thái Hùng M1**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082079009432.

Địa chỉ: **Ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **Dương Thị M** trình bày:** Chị và anh **M1** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn V** (Nay là **xã V**). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không thể hoà hợp, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh **M1**.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên **Thái Hùng Đ**, sinh ngày 04/4/2011 và **Thái Hùng K**, sinh ngày 05/5/2013. Hiện nay, các con đang sống với

chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu anh **M1** cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh **Thái Hùng M1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh **M1** đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **M**, chị **M** được ly hôn với anh **M1**. Về con chung: Giao 02 con chung tên **Thái Hùng Đ**, sinh ngày 04/4/2011 và **Thái Hùng K**, sinh ngày 05/5/2013 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Minh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Đ** và cháu **K** mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng), đến khi con trưởng thành, lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị **M** và anh **M1** trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn **V** (Nay là xã **V**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118, ngày 23/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 30/3/2026, chị **M** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh **M1** và chị **M**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mến yêu C** được ly hôn với anh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị **M** không còn tình cảm vợ chồng với anh **M1**. Hơn nữa, từ khi chị **M** xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **M1** không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh **M1** muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **M** là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị **M** và anh **M1** có 02 con chung tên **Thái Hùng Đ**, sinh ngày 04/4/2011 và **Thái Hùng K**, sinh ngày 05/5/2013. Chị **Mến yêu**

C được trực tiếp nuôi cháu **Đ** và cháu **K**. Xét thấy, hiện nay cháu **Đ** và cháu **K** đang sống với chị **M** ổn định, được chăm sóc chu đáo, đảm bảo cho sự phát triển của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu cũng muốn sống với chị **M** (BL: 32, 33); đồng thời, anh **M1** cũng không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung. Do đó, yêu cầu của chị **M** là có cơ sở, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu **Đ** và cháu **K** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **M** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh **M1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Mến yêu C** anh **M1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi các con trưởng thành. Xét thấy, hiện nay anh **M1** đang độ tuổi lao động, có sức khỏe để lao động tạo ra thu nhập và mức cấp dưỡng chị **M** yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh **M1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Đ** và cháu **K** mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi con trưởng thành, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **M** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **M** phải chịu án phí ly hôn và anh **M1** phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Dương Thị M**.

+ Chị **Dương Thị M** được ly hôn với anh **Thái Hùng M1**.

- Về con chung: Giao chị **M** trực tiếp nuôi 02 con chung tên **Thái Hùng Đ**, sinh ngày 04/4/2011 và **Thái Hùng K**, sinh ngày 05/5/2013. Anh **M1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) đến khi các con trưởng thành, lao động được, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị **M** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh **M1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị **M** phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000786 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **M** đã nộp đủ án phí.

+ Anh **M1** phải chịu 300.000 đồng án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:*

- TAND tỉnh DT;
- THADS tỉnh DT;
- VKSND KV2 - DT;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An